

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 10 - 01 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Địa chỉ: Số 198 đường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Theo Giấy ủy quyền số 508/UQ-NHNT.GL ngày 20/8/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Gia Lai*): Ông Nguyễn Hồ Trung A; Địa chỉ: Số 33 đường Q, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P; Địa chỉ: Làng O, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hồ Trung A trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thông qua Chi nhánh Gia Lai (Ngân hàng) có cho ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P vay tiền theo 03 Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 3155/17/CT/NHNT ngày 22/8/2017; số tiền vay là 200.000.000 đồng; mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa, phân bón, khí đốt hóa lỏng, thu mua nông sản...; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay là ngày 23/8/2017; phương thức trả nợ là lãi hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4421/17/CT/NHNT ngày 29/11/2017; số tiền vay là 1.300.000.000 đồng; mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa, phân bón, khí đốt hóa lỏng, thu mua nông sản...; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay là ngày 30/11/2017; phương thức trả nợ là lãi hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1972/18/CT ngày 27/3/2018; số tiền vay là 300.000.000 đồng; mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa, phân bón, khí đốt hóa lỏng, thu mua nông sản...; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay là ngày 28/2/2018; phương thức trả nợ là lãi hàng tháng, nợ gốc trả cuối kỳ.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P chỉ trả được tiền lãi đến ngày 25/6/2018.

Tính đến ngày 10/01/2019, ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P còn nợ Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, tổng số tiền nợ lãi trong hạn là 92.535.000 đồng, tổng số tiền nợ lãi quá hạn là 9.889.000 đồng.

Hiện nay toàn bộ số tiền nợ của ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P theo các hợp đồng tín dụng nêu trên đã chuyển nợ quá hạn.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng và ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P có giao kết các hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/09A/NHNT ngày 04/9/2014, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602090 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/8/2014; thửa đất số 72; tờ bản đồ số 57; có tổng diện tích 2812,8m².

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/10A/NHNT ngày 14/10/2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 148206 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/7/2015; thửa đất số 56; tờ bản đồ số 59; có tổng diện tích 865,6m².

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/07A/NHNT ngày 01/7/2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 136142 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/3/2015; thửa đất số 7; tờ bản đồ số 58; có tổng diện tích 1929m².

Nay Ngân hàng yêu cầu: Buộc ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 10/01/2019 gồm nợ lãi trong hạn là 92.535.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.889.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P nhưng ông S và bà P đều cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của ông S và bà P trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Đơn khởi kiện ngày 27/8/2018; Giấy ủy quyền ngày 12/4/2016; Giấy ủy quyền ngày 20/8/2018; Bản sao các tài liệu gồm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09/3/2012; Chứng minh nhân dân ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P; hộ khẩu Trần Thanh S; 03 Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn ngày 29/11/2017, ngày 27/3/2018 và ngày 22/8/2017; 03 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 04/9/2014, ngày 01/7/2015 và ngày 14/10/2015; 03 Giấy nhận nợ ngày 29/11/2017, ngày 27/3/2018 và ngày 22/8/2017; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 04/9/2014, ngày 01/7/2015 và ngày 14/10/2015; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602090, BY 136142 và CB 148206; 03 Biên bản định giá tài sản ngày 04/9/2014, ngày 01/7/2015 và ngày 14/10/2015; 03 Biên bản giao nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản ngày 05/9/2014, ngày 02/7/2015 và ngày 16/10/2015; Bản tự khai của ông Trương Anh T; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/8/2015; Biên bản xác minh ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G; Bảng kê dư nợ gốc và lãi tại ngân hàng.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của

Ngân hàng đối với ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P có địa chỉ tại làng O 1, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng với hộ kinh doanh Trần Thanh S là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn vẫn có mặt tại nơi cư trú, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền vay, tiền lãi và nghĩa vụ thanh toán: Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 3155/17/CT/NHNT ngày 22/8/2017, Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4421/17/CT/NHNT ngày 29/11/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1972/18/CT ngày 27/3/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc là 1.800.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 10/01/2019 gồm nợ lãi trong hạn là 92.535.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.889.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông S và bà P không trả được số nợ trên thì Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của các hợp đồng cho vay nêu trên, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thông qua Chi nhánh Nam Gia Lai với ông S và bà P có giao kết và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng về việc tiếp tục thực hiện biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/09A/NHNT ngày 04/9/2014, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/10A/NHNT ngày 14/10/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/07A/NHNT ngày 01/7/2015. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, các hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông S và bà P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Buộc ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền nợ tính đến ngày 10 tháng 01 năm 2019 là 1.902.424.000 đồng (*Một tỷ chín trăm không hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 92.535.000 đồng (*Chín mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng*), nợ lãi quá hạn là 9.889.000 đồng (*Chín triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

3. Trong trường hợp ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm: Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/09A/NHNT ngày 04/9/2014 là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 602090 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/8/2014; thửa đất số 72; tờ bản đồ số 57; có tổng diện tích 2812,8m². Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/10A/NHNT ngày 14/10/2015 là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 148206 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/7/2015; thửa đất số 56; tờ bản đồ số 59; có tổng diện tích 865,6m². Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/07A/NHNT ngày 01/7/2015 là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 136142 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/3/2015; thửa đất số 7; tờ bản đồ số 58; có tổng diện tích 1929m².

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Buộc ông Trần Thanh S và bà Thái Thị Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 69.072.720 đồng (*Sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi đồng*). Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 33.391.899 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng*) đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004882 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính